TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 65/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 24 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 28/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Phàn Thị T**; căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxx.

- Bị đơn: Ông **Lương Văn S**; căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxx.

Cùng địa chỉ: Đội x, thôn C, xã V, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 59, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phàn Thị T và ông Lương Văn S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phàn Thị T và ông Lương Văn S nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Phàn Thị T và ông Lương Văn S xác nhận có 01 con chung là cháu Lương Thu H, sinh ngày 07/9/2014. Sau khi ly hôn, bà Phàn Thị T là người trực tiếp nuôi cháu Lương Thu H đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về

cấp dưỡng nuôi con chung, bà T và ông S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Phàn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Phàn Thị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000193 ngày 27/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả cho bà Phàn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV4 - Tuyên Quang;
- Thi hành án DS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã V, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Khánh Phương